TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11- 2017
V/v: Tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Cẩm Tú.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Ngọc Lợi.
2. Ông Nguyễn Chí Bền.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phước Đức – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2017/TLST - HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2017/QĐXX – ST, ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện G, tỉnh K; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phan Thanh M; địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thanh T trình bày:

Chị và anh M chung sống với nhau vào năm 2000 có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 02/2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân

là do chồng thiếu tinh thần trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc vợ con, đánh đập, hành hạ vợ con. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 02/2015 cho đến nay. Trong quá trình chung sống anh, chị có 02 đứa con chung tên là Phan Thị Cẩm T1, sinh ngày 28/6/2006 và Phan Thị Cẩm T2, sinh ngày 21/7/2008, các con hiện đang sinh sống với chị T. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Cho chị được ly hôn với anh Phan Thanh M.

- Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai người con chung và yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị T rút yêu cầu buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại các bản tự khai ngày 09/7/2017 các cháu Phan Thị Cẩm Thu và Phan Thị Cẩm Tú có nguyện vọng sống với mẹ khi cha, mẹ ly hôn.

Anh M đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập anh M đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh M vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phan Thanh M nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh M với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp H, xã N, huyện G, tỉnh K nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh M là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chị T rút yêu cầu buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử (HĐXX) đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của

chị T theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chị T có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị Nguyễn Thanh T và anh Phan Thanh M chung sống như vợ chồng từ năm 2000 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, anh, chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị T và anh M không được công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Anh, chị có hai đứa con chung tên Phan Thị Cẩm T1, sinh ngày 28/6/2006 và Phan Thị Cẩm T2, sinh ngày 21/7/2008, cháu Thu và cháu Tú đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi chị T và anh M ly thân cho đến nay các cháu T1, T2 đã sống chung với chị T, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị T các cháu đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Các cháu T1, T2 đã đủ 07 tuổi và có nguyện vọng sống với mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Hiện tại, chị T có việc làm và có thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Vì vậy, yêu cầu được tiếp nuôi con của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản, nợ chung: Chị T xác định không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008222 ngày 05/10/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1, khoản 3 Điều 218; Điều 266; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thanh T và anh Phan Thanh M là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao hai cháu Phan Thị Cẩm T1, sinh ngày 28/6/2006 và Phan Thị Cẩm T2, sinh ngày 21/7/2008 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con của chị T. Chị T có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008222 ngày 05/10/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú